

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 - 2008

**ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
NGÀNH KIẾN TRÚC**

ĐỀ TÀI: TRUNG TÂM THỜI TRANG HẢI PHÒNG

Giáo viên hướng dẫn: ThS. KTS. Chu Phương Thảo

Sinh viên thực hiện : Vũ Hoàng Hiệp

MSV : 1112109072

Lớp : XD1502K

Hải Phòng 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 - 2008

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

NGÀNH KIẾN TRÚC

Sinh viên : Vũ Hoàng Hiệp
Người hướng dẫn: ThS. KTS. Chu Phương Thảo

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

TRUNG TÂM THỜI TRANG HẢI PHÒNG

**ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH KIẾN TRÚC**

Sinh viên : Vũ Hoàng Hiệp
Người hướng dẫn: ThS. KTS. Chu Phương Thảo

HẢI PHÒNG - 2017

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn đến các thầy các cô và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi để em có thể hoàn thành đồ án tốt nghiệp này.

Trong quá trình 5 năm học tại trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng em đã học tập và tích lũy được nhiều kiến thức và kinh nghiệm quý báu để phục vụ cho công việc sau này cũng như phục vụ cho việc hoàn thành đồ án tốt nghiệp.

Sau những tháng khẩn trương nghiên cứu và thể hiện đến nay em đã hoàn thành đồ án tốt nghiệp kiến trúc sư của mình. Đây là thành quả cuối cùng của em sau 5 năm nghiên cứu và học tập tại trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng dưới sự dẫn dắt chỉ bảo tận tình của các thầy cô trong trường.

Trong suốt quá trình làm đồ án em đã nhận được sự hướng dẫn tận tình của các thầy cô trong trường. Đặc biệt em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình, chu đáo của giảng viên hướng dẫn :**THS.KTS. CHU PHƯƠNG THẢO** đã giúp em hoàn thành đồ án tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn đến Ban giám hiệu nhà trường ,Khoa xây dựng bộ môn kiến trúc dân dụng đã tạo điều kiện cho chúng em trong đợt tốt nghiệp này.

Mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng với lượng kiến thức còn hạn hẹp nên chắc chắn đồ án của em sẽ không tránh khỏi những sai sót...Em rất mong nhận được sự đóng góp, nhận xét và chỉ bảo thêm của các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên

Vũ Hoàng Hiệp

MUC LUC

- I. **Mở đầu**
 - 1. **Khái niệm chung**
 - 2. **Điều kiện thực tế của Việt Nam**
 - 3. **Tình hình thời trang thế giới**
- II. **Sự cần thiết của đồ án-ly do chọn đề tài**
 - 1. **Sự cần thiết của đồ án**
 - 2.**Lý do chọn đề tài**
- III. **Khảo sát đánh giá hiện trạng**
 - 1. **Vị trí địa lí**
 - 2. **Điều kiện tự nhiên**
- IV. **Nhiệm vụ thiết kế**
- V. **Ý tưởng thiết kế**
- VI. **Các yêu cầu về thiết kế**
 - 1. **Tài liệu tham khảo**
 - 2. **Các quy chuẩn quy phạm liên quan đến thiết kế**
- VII. **Phần bản vẽ**

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

I. Mở đầu:

1. Khái niệm chung

Thời trang là nhu cầu cuộc sống chính đáng tồn tại trong xã hội, được thừa nhận và phát triển cùng với sự văn minh của đời sống xã hội. Thời trang không chỉ bó hẹp trong thời trang trình diễn trên sân khấu mà thời trang còn hiện diện nhiều mặt của đời sống xã hội. Ngày nay, thời trang được hiểu theo một nghĩa hết sức rộng rãi. Tuy nhiên, trong phạm vi đồ án này chỉ xin được tìm hiểu thời trang dưới góc độ trang phục của con người cùng các phụ kiện và chất liệu trang sức đi kèm.

Trung tâm giao lưu thời trang trước hết là một địa điểm văn hoá - thương mại hoạt động chuyên sâu bao gồm: trình diễn, trưng bày thời trang, triển lãm thời trang, giáo dục thời trang, tổ chức biểu diễn, giao lưu thương mại... các hoạt động chuyên sâu này được kết hợp với những hoạt động văn hoá đa dạng khác để tổ hợp thành một dạng công trình văn hoá mới mẻ tại Việt Nam nói chung và tại thành phố Huế nói riêng.

2. Điều kiện thực tế của Việt Nam

Hiện nay thời trang Việt Nam đã được toàn xã hội quan tâm và Nhà nước ban hành nhiều chính sách kết hợp đầu tư đúng hướng nên đã đem lại những kết quả đáng khích lệ. Các giải thưởng thời trang quốc tế như: giải thưởng MAKUHARI (Nhật Bản), giải thưởng thời trang quốc tế tại Singapore, cùng với các cuộc thi thiết kế và trình diễn thời trang trong nước, được tổ chức thường xuyên đã thổi một làn gió mới đầy sinh khí vào đời sống thời trang Việt Nam. Ngoài ra Việt Nam vừa mới gia nhập WTO, đó cũng chính là một động lực lớn để đưa ngành thời trang Việt Nam phát triển mạnh hơn để sánh kịp với thời trang thế giới. Tuy nhiên, cần nhìn nhận một thực tế rằng thời trang Việt Nam chưa thật sự có một môi trường phát triển đúng mức của mình.

*** Những yếu tố cản trở có thể thấy rõ**

- Hiện nay Hải Phòng nói riêng và Việt Nam nói chung đang rất thiếu một trung tâm thời trang đủ lớn về quy mô với đầy đủ tính năng để đảm đương có hiệu quả các cuộc giao lưu trao đổi về các lĩnh vực nghệ thuật thời trang, về một thời trang, về chất liệu thời trang... hầu hết các công ty và các hãng thời trang Việt Nam đều mong muốn có một trung tâm thời trang để giao lưu trao đổi - hợp tác trong lĩnh vực thời trang.

Thời trang Việt Nam, hay thời trang Hải Phòng nói riêng chưa có một sàn diễn đa năng, hiện đại, mặc dù hằng năm đều có những cuộc biểu diễn thời trang trong các kỳ FESTIVAL được tổ chức tại Huế hay các cuộc thi trình diễn thời trang... tất cả đều được tổ chức trên sàn diễn không phải dành riêng cho thời trang.

Tất cả các buổi trình diễn đều được diễn ra trên sân khấu được thiết kế không chuyên hoặc sân khấu dành cho biểu diễn ca nhạc, kịch, thậm chí cả múa rối. Sự chấp vá này tất yếu dẫn đến những hạn chế về mặt trình diễn, cũng như những hiệu quả phụ trợ, như âm thanh, ánh sáng, tất cả đều toát lên nghiệp dư thuần tuý, thiếu tính đặc thù chuyên nghiệp của thời trang.

Thành phố Hải Phòng đang còn thiếu một trung tâm thời trang đủ mạnh để thu hút được các giao dịch trong lĩnh vực thời trang đang ngày một phát triển nhanh chóng. Những yêu cầu, đơn đặt hàng sẽ được tổ chức thực nghiệm tại đây, sau đó sẽ chuyển giao công nghệ và kiểu mẫu sản xuất cho các công ty may mặc trong nước. Những giao dịch thương mại đầy lợi thế cạnh tranh này chắc chắn sẽ đem lại lợi ích kinh tế không nhỏ cho Thành phố Hải Phòng và cho cả đất nước.

Những yếu tố cản trở sẽ được khắc phục nhanh chóng nếu như Trung tâm thời trang hải Phòng được ra đời.

3. Tình hình thời trang trên thế giới

Trong khi thời trang Việt Nam mới phát triển trở lại trong thập kỷ 90, thì thời trang thế giới đã có một quá trình hình thành và phát triển gần như liên tục từ những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, ngành công nghiệp thời trang thế giới mới chỉ thực sự phát triển kể từ những năm 30 của thế kỷ trước.

Trung tâm thời trang thế giới có thể kể đến như: Paris, New York, Lon Don, Hong Kong... tại các trung tâm này hình thành một hệ thống các công trình và dịch vụ thời trang hoàn hảo, khép kín hoàn toàn. Có thể xem trung tâm thời trang hàng đầu thế giới là Paris với lợi thế của mình là nơi tập hợp các nhân tài đến từ mọi nơi trên thế giới, do đó Paris kết hợp trong mình những đặc trưng văn hoá đến từ nhiều đất nước trên thế giới hết sức phong phú và đa dạng.

Hệ thống các trung tâm thời trang của Paris hoạt động liên tục có định hướng cho các hoạt động của các trung tâm thời trang khác trên thế giới.

Đặc điểm hoạt động chính của các trung tâm thời trang Paris là hoạt động trình diễn. Hầu hết các tên tuổi thời trang trên thế giới đều muốn đem bộ sưu tập thời trang mới nhất của mình đến trình diễn tại Paris.

II. Sự cần thiết của đề án - lý do chọn đề tài

1. Sự cần thiết của đề án

Cùng với sự phát triển của đất nước cả về mặt kinh tế cũng như chính trị thì cuộc sống của người dân đòi hỏi về ăn ở và cũng như phong cách sống và ăn mặc đã được chú trọng nhiều hơn. Từ những yêu cầu đó để sánh kịp với thế giới, một ngành nghề công nghiệp được ra đời và công nghiệp thời trang cũng được sinh ra từ đó.

Tuy mới ra đời và phát triển mạnh trong một vài năm trở lại đây song ngành công nghiệp còn non trẻ của Việt Nam đã có những bước phát triển dài trên chặng đường chinh

phục thị trường quốc nội, tiến tới xuất khẩu các mặt hàng thời trang (gồm cả thời trang cao cấp và thời trang phổ thông) ra thị trường quốc tế, ngành thời trang Việt Nam đang lớn

nhanh chóng, ngoài những chính sách và định hướng của Nhà nước, còn đòi hỏi bản thân ngành phải nỗ lực vận động cả về nhân lực và vật lực.

Trong khi yếu tố nhân lực được xem là thế mạnh của thời trang Việt Nam. Với cơ quan nghiên cứu đầu ngành là viện mẫu thời trang Việt Nam FADIN, các nhà tạo mẫu được đào tạo và rèn luyện chính quy.

Các cuộc thi thiết kế trong và ngoài nước với những tên tuổi đã tạo được chỗ đứng vững chắc như: Minh Hạnh, Sĩ Hoàng, Thu Giang, Việt Chung... thì yếu tố cơ sở vật chất lại đang đặt ra những vấn đề cần lưu tâm.

Hiện thời trang Việt Nam chỉ mạnh về sản xuất các sản phẩm tiêu dùng bình dân, tập trung về một số công ty lớn của cả nước và tư nhân. Lĩnh vực thời trang cao cấp và trung cấp hiện nay hoàn toàn bỏ ngõ, chưa hề có một chính sách phát triển nào được đưa ra thực thi, trong đó quan trọng nhất là việc tạo ra một trung tâm giao lưu thời trang tầm cỡ, đảm bảo thu hút sự chú ý của công chúng và quốc tế. Trung tâm này phải có khả năng cung cấp dịch vụ tiện ích cho hoạt động thời trang Việt Nam, các dịch vụ được xác định bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ biểu diễn đa năng.
- Dịch vụ thử nghiệm các công nghệ vật liệu mới.
- Dịch vụ thử nghiệm chế tạo mẫu mới xưởng sản xuất thử nghiệm.
- Dịch vụ văn phòng đại diện cho các hãng thời trang trong và ngoài nước.
- Dịch vụ triển lãm, trưng bày thời trang và các sản phẩm khác có liên quan.

- Các dịch vụ tiện ích khác đi kèm gồm có: đào tạo, nâng cao kiến thức về thiết kế và trình diễn.

- Chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp của khuôn mặt và cơ thể.

- Với hệ thống các diện tích đa dạng như trên, có thể nói trung tâm giao lưu thời trang không chỉ là nơi thu hút đông đảo các nhà chuyên môn và dân chúng tới tham gia sinh hoạt, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao trình độ hiểu biết về thời trang, thúc đẩy việc quảng bá và tiêu thụ các sản phẩm thời trang mới.

Sự ra đời của trung tâm thời trang này sẽ góp phần đẩy mạnh hơn nữa sự phát triển của ngành thời trang Việt Nam, đưa thời trang Việt Nam thăng hoa cùng hệ thống dân tộc và bản sắc văn hoá của con người Việt Nam.

2. Lý do chọn đề tài

Mặc đẹp là nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống, nó tạo nét đẹp cho xã hội, góp phần tạo bộ mặt xã hội. Như vậy, để hiểu rõ một cách thấu đáo và không bị lệch lạc, để giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc thì tại sao chúng ta lại không tạo ra một trung tâm thời trang ngay trên chính mảnh đất có bề dày lịch sử này.

Quy luật cuộc sống đã chứng minh, đời sống con người ngày càng phát triển thì nhu cầu thẩm mỹ văn hoá, nghệ thuật càng được đòi hỏi cao. Thời trang cũng không nằm ngoài quy luật đó. Thời trang luôn gắn liền với con người trong mọi thời đại.

Ở Việt Nam hiện nay, đất nước đang trong quá trình phát triển về kinh tế và ngành công nghiệp thời trang cũng đang trong quá trình khởi sắc của mình, bắt kịp với nhịp độ phát triển kinh tế. Công nghiệp dệt may thời trang đóng góp không nhỏ vào những bước phát triển kinh tế nước nhà. Năm 1999 thời trang Việt Nam bắt đầu vào cuộc và đang dần khẳng định vị trí của mình. Tuy nhiên, đó mới chỉ là sự bộc phát theo trào lưu, theo thị hiếu của xã hội, điều đó gây ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của người dân về thời trang và gây một ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế công nghiệp thời trang nước

nhà. Vấn đề bức bách cho thanh niên hiện nay là muốn có một nơi giao lưu học hỏi và tìm hiểu để được tư vấn về thời trang, vậy họ sẽ thực hiện điều này ở đâu?

Trong tình hình hiện nay của nước ta thời trang được thiết kế rất riêng lẻ, có phần thiếu định hướng chung, trình diễn thời trang cũng chỉ được thực hiện tại các nhà hát, sân khấu đa năng không phù hợp với tính chuyên biệt của thời trang. Do đó sự ra đời của một trung tâm thời trang là cần thiết. Trung tâm thời trang sẽ là nơi định hướng thẩm mỹ thời trang, dẫn dắt mọi người trong xã hội hướng tới những giá trị thẩm mỹ thật sự.

III. Khảo sát đánh giá hiện trạng

1. Vị trí địa lý

Hải Phòng là một thành phố ven biển, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình, phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ thuộc biển Đông - cách huyện đảo Bạch Long Vĩ khoảng 70 km. Thành phố cách thủ đô Hà Nội 120 km về phía Đông Đông Bắc.

Điểm cực Bắc của thành phố là xã Lại Xuân thuộc huyện Thủy Nguyên; cực Tây là xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo; cực Nam là xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo; và cực Đông là đảo Bạch Long Vĩ

2. Đặc điểm tự nhiên

*** Địa hình**

Đồi núi, đồng bằng

Địa hình phía bắc của Hải Phòng là vùng **trung du**, có đồi xen kẽ với đồng bằng và ngả thấp dần về phía nam ra biển. Khu đồi núi này có liên hệ với hệ núi Quảng Ninh, di tích của nền móng uốn nếp cổ bên dưới, nơi trước đây đã xảy ra quá trình sụt võng với cường độ nhỏ, gồm các loại cát kết, đá phiến sét và đá vôi có tuổi khác nhau được phân bố thành từng dải liên tục theo hướng Tây Bắc - Đông Nam từ đất liền ra biển gồm hai dãy chính. Dãy chạy từ An Lão đến Đồ Sơn đứt quãng, kéo dài khoảng 30 km có hướng Tây Bắc - Đông Nam gồm các núi: Voi, Phù Liễn, Xuân Sơn, Xuân Áng, núi Đồi, Đồ Sơn, Hòn Dấu. Dãy Kỳ Sơn - Tràng Kênh và An Sơn - Núi Đèo, gồm hai nhánh: nhánh An Sơn - Núi Đèo cấu tạo chính là đá cát kết có hướng tây bắc đông nam gồm các núi Phù Lưu, Thanh Lãng và Núi Đèo; và nhánh Kỳ Sơn - Tràng Kênh có hướng tây tây bắc - đông đông nam gồm nhiều núi đá vôi.

Sông

Sông ngòi ở Hải Phòng khá nhiều, mật độ trung bình từ 0,6 - 0,8 km/1 km². Độ dốc khá nhỏ, chảy chủ yếu theo hướng Tây Bắc Đông Nam. Đây là nơi tất cả hạ lưu của sông Thái Bình đổ ra biển, tạo ra một vùng hạ lưu màu mỡ, dồi dào nước ngọt phục vụ đời sống con người nơi đây. Các con sông chính ở Hải Phòng gồm

- Sông Đá Bạc - Bạch Đằng dài hơn 32 km, là nhánh của sông Kinh Môn đổ ra biển ở cửa Nam Triệu, là ranh giới giữa Hải Phòng với Quảng Ninh.
- Sông Cấm (Forbidden river) dài trên 30 km là nhánh của sông Kinh Môn, chảy qua nội thành và đổ ra biển ở cửa Cấm.
- Sông Lạch Tray dài 45 km, là nhánh của sông Kinh Thầy, từ Kênh Đồng ra biển bằng cửa Lạch Tray qua địa phận Kiến An, An Hải và cả nội thành.
- Sông Văn Úc dài 35 km chảy từ quý Cao, đổ ra biển qua cửa sông Văn Úc làm thành ranh giới giữa hai huyện An Lão và Tiên Lãng.
- Sông Thái Bình có một phần là ranh giới giữa Hải Phòng với Thái Bình.
- Sông Bạch Đằng
- Ngoài ra còn có nhiều con sông khác khá nhỏ nằm ở khu vực nội thành quận Hồng Bàng.

Bờ biển và biển

Bờ biển Hải Phòng dài trên 125 km, thấp và khá bằng phẳng, nước biển Đồ Sơn hơi đục nhưng sau khi cải tạo nước biển đã có phần sạch hơn, cát mịn vàng, phong cảnh đẹp. Ngoài ra, Hải Phòng còn có đảo Cát Bà là khu dự trữ sinh quyển thế giới có những bãi tắm đẹp, cát trắng, nước trong xanh cùng các vịnh Lan Hạ.... đẹp và kì thú. Cát Bà cũng là đảo lớn nhất thuộc khu vực Vịnh Hạ Long.

*** Khí hậu**

Thời tiết Hải phòng mang tính chất cận nhiệt đới ẩm đặc trưng của thời tiết miền Bắc Việt Nam: mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều, mùa đông khô và lạnh, có 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình vào mùa hè vào tháng 7 là 28,3 °C, tháng lạnh nhất là tháng 1 :16,3 °C .Số giờ nắng trong năm cao nhất là các tháng mùa hè và thấp nhất vào tháng 2,độ ẩm trung bình trên 80%,lượng mưa 1600–1800 mm/năm.Tuy nhiên thành phố cũng phải hứng chịu những đợt nắng nóng và đợt lạnh bất thường,năm 2011 nhiệt độ trung bình tháng 1 của thành phố xuống tới 12,1 °C, gần đây nhất ngày 24/1/2016 thành phố trải qua ngày có nhiệt độ lạnh trung bình thấp kỷ lục,nhiệt độ thấp nhất xuống tới 4,2 °C. Trung bình cả năm 23,4 °C.

So với Hà Nội,thời tiết Hải Phòng có một chút khác biệt,thành phố mát hơn khoảng gần 1 độ vào mùa hè và lạnh hơn một chút về mùa đông,trong 30 năm gần đây do ảnh hưởng biến đổi khí hậu nhiệt độ thành phố đang có xu hướng tăng lên.

IV. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ:

Tổng diện tích khu đất: 18000m²

Tổng diện tích chiếm đất: 7000m²

Tổng diện tích sàn: 20000m²

a. Khối dịch vụ thương mại:

- Đại sảnh : 500m²

- Phòng gửi đồ: 40m²

- Phòng trực, quản lý 30m²

-Trung bày sản phẩm 1500m²

- Shop thời trang 2000m²

- Kho hàng 1000m²

- Khu vệ sinh: 2 khu nam - nữ riêng (mỗi khu 6xí, 12 tiêu, 6 rửa)

b. Khối hành chính quản trị:

- Phòng Giám đốc 120m²

- Phòng phó giám đốc 100m²

- Phòng hành chính tổng hợp 150m²

- Phòng tổ chức biểu diễn 90m²

- Phòng kế toán tài vụ 80m²

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP: TRUNG TÂM THỜI TRANG HẢI PHÒNG

- Phòng họp cơ quan và phòng khách	80m ²
- Phòng nghiệp vụ nghệ thuật	80m ²
- Không gian giải lao:	
- Kho vật tư	24m ²
- Khu vệ sinh: nam, nữ (mỗi khu 2 xí, 2 tiểu, 2 rửa)	
c. Khối biểu diễn thời trang:	
- Phòng biểu diễn lớn	950m ²
- Phòng máy chiếu	28m ²
- Phòng điều hoà trung tâm	150m ²
- Phòng kỹ thuật âm thanh	24m ²
- Phòng điều khiển ánh sáng	24m ²
- Phòng chờ diễn	60m ²
- Phòng hoá trang (nam, nữ riêng kèm WC và tắm)	2*25*3=150m ²
- Các phòng kỹ thuật phục vụ sân khấu	25*3=75m ²
- Kho áo quần biểu diễn, phong màn, đạo cụ	100m ²
- Phòng đạo diễn	40m ²
- Phòng thiết kế	40m ²
- Phòng chỉ đạo nghệ thuật	40m ²
- Điều khiển sân khấu	25m ²
- Trang trí sân khấu và xưởng hoạ	100m ²

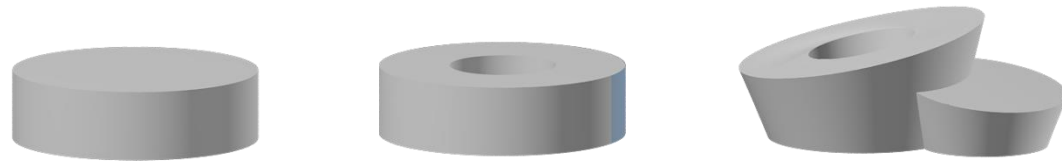
- Phòng tập dáng đi	200m ²
- Khu vệ sinh (nam, nữ 1 xí - 2 tiểu - 1 rửa)	200m ²
d. Khối các xưởng thiết kế, đào tạo	
- Các xưởng thiết kế thời trang	200m ²
- Lớp đào tạo thiết kế	220m ²
- Phòng cắt may	170m ²
- Phòng hoàn thiện sản phẩm	170m ²
- Khu vệ sinh nam, nữ (3 xí, 3 tiểu, 1 tắm, 3 rửa/ khu)	
e. Khối dịch vụ văn hoá, giải trí	
- Phòng tiếp khách	72m ²
- Café - giải khát	300m ²
- Phòng pha chế	18m ²
- Quầy Bar	12m ²
- Nhà hàng	420m ²
- Bếp	200m ²
- Kho	200m ²
- Khu vệ sinh: 2 khu nam, nữ riêng (mỗi khu 6 xí, 12 tiểu, 6 rửa)	

Tổng diện tích khu đất :

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỈ LỆ (%)
1	Tổng	1.8	100%
2	Công trình	0.7	40%

3	Cây xanh, mặt nước	0.5	35%
4	Giao thông	0.4	20%
5	Hạ tầng kỹ thuật	0.2	5%

IV. Ý tưởng thiết kế



VI. Các yêu cầu về thiết kế

1. Tài liệu tham khảo

- Kiến trúc sinh khí hậu
- Thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc Việt Nam.
(PGS. TS. Phạm Đức Nguyên - NXB Xây dựng - 2002)
- Các giải pháp kiến trúc khí hậu Việt Nam.
(PGS.TS. Phạm Đức Nguyên - Nguyễn Thu Hòa, Trần Quốc Bảo - NXB KHKT - 2002)
- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Tập 4.
- Tạp chí kiến trúc, Quy hoạch và xây dựng.
Neufert – Dữ liệu kiến trúc sư. (NXB xây dựng -1998)
- Neufert 3 – xuất bản 2006
- Hợp tuyển lý luận và phê bình kiến trúc.(PGS. KTS. Đặng Thái Hoàng)
- Các đồ án tốt nghiệp của các sinh viên năm trước (ở thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế).

2. Các tiêu chuẩn về thiết kế kiến trúc

Các tiêu chuẩn, quy phạm của Nhà nước liên quan đến thiết kế kiến trúc

- TCXDVN_4455-1987 - Tiêu chuẩn bản vẽ xây dựng Việt Nam
- TCXDVN_5686-1992 - Tiêu chuẩn kí hiệu kết cấu xây dựng Việt Nam
- TCXDVN_194-2006 - Tiêu chuẩn công tác khảo sát kỹ thuật nhà cao tầng
- TCXDVN_286-2003 - Tiêu chuẩn về thi công và nghiệm thu đóng và ép cọc
- TCXDVN_323-2004 - Tiêu chuẩn thiết kế nhà cao tầng
- TCXDVN_326-2004 - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu khoan cọc nhồi
- TCXDVN_356-2005 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông cốt thép
- TCXDVN_389-2007 - Tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu sản phẩm bê tông ứng lực trước.
- TCXDVN_397-2007 - Tiêu chuẩn mức an toàn trong sử dụng phương pháp thử hoạt độ phóng xạ tự nhiên của phương pháp thử
- TCXDVN_298-299-300_2003 - Các tiêu chuẩn về cách nhiệt trong xây dựng
- TCXDVN_5573-1991 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép
- TCXDVN_6160-1996 - Tiêu chuẩn yêu cầu thiết kế phòng cháy chữa cháy nhà cao tầng
- TCXDVN_305-2004 - Quy phạm thi công và nghiệm thu bê tông khối lớn/0
- TCXDVN_313-2004 - Tiêu chuẩn khoan cắt bê tông cốt thép phòng chống nứt
- TCXDVN_314-2005 - Thuật ngữ và định nghĩa hàn kim loại
- TCXDVN_321-2004 - Tiêu chuẩn phân loại sơn xây dựng/0
- TCXDVN_327-2004 - Yêu cầu bảo vệ ăn mòn trong môi trường biển đối với kết cấu bê tông và bê tông cốt thép
- TCXDVN_334-2005 - Quy phạm sơn thiết bị và kết cấu thép trong xây dựng dân dụng và công nghiệp
- TCXDVN_358-2005 - Phương pháp xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông trong khoan cọc nhồi
- TCXDVN_359-2005 - Thí nghiệm phát hiện kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ trong cọc
- TCXDVN_366-2004 - Chỉ dẫn kỹ thuật cho công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng trong vùng Karst
- TCXDVN_385-2006 - Phương pháp gia cố đất yếu bằng trụ đất xi măng
- TCXDVN_367-2006 - Tiêu chuẩn chống ẩm trong xây dựng
- TCXDVN_355-2005 - Tiêu chuẩn thiết kế nhà hát phòng khán giả
- TCXDVN_269-2002 - Thí nghiệm cọc bằng phương pháp tải trọng tĩnh ép dọc trục
- TCXDVN_2737-1995 - Tiêu chuẩn thiết kế tải động và tác động
- TCXDVN_4455-1987 - Tiêu chuẩn bản vẽ xây dựng Việt Nam
- TCXDVN_5686-1992 - Tiêu chuẩn kí hiệu kết cấu xây dựng Việt Nam
- TCXDVN_194-2006 - Tiêu chuẩn công tác khảo sát kỹ thuật nhà cao tầng
- TCXDVN_286-2003 - Tiêu chuẩn về thi công và nghiệm thu đóng và ép cọc
- TCXDVN_323-2004 - Tiêu chuẩn thiết kế nhà cao tầng
- TCXDVN_326-2004 - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu khoan cọc nhồi
- TCXDVN_356-2005 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông cốt thép

TCXDVN_389-2007 - Tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu sản phẩm bê tông ứng lực trước

TCXDVN_397-2007 - Tiêu chuẩn mức an toàn trong sử dụng phương pháp thử hoạt độ phóng xạ tự nhiên của phương pháp thử

TCXDVN_298-299-300_2003 - Các tiêu chuẩn về cách nhiệt trong xây dựng

TCXDVN_5573-1991 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép

TCXDVN_6160-1996 - Tiêu chuẩn yêu cầu thiết kế phòng cháy chữa cháy nhà cao tầng

TCXDVN_305-2004 - Quy phạm thi công và nghiệm thu bê tông khối lớn/0_

TCXDVN_313-2004 - Tiêu chuẩn khoan cắt bê tông cốt thép phòng chống nứt

TCXDVN_314-2005 - Thuật ngữ và định nghĩa hàn kim loại

TCXDVN_321-2004 - Tiêu chuẩn phân loại sơn xây dựng/0_

TCXDVN_327-2004 - Yêu cầu bảo vệ ăn mòn trong môi trường biển đối với kết cấu bê tông và bê tông cốt thép

TCXDVN_334-2005 - Quy phạm sơn thiết bị và kết cấu thép trong xây dựng dân dụng và công nghiệp

TCXDVN_358-2005 - Phương pháp xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông trong khoan cọc nhồi

TCXDVN_359-2005 - Thí nghiệm phát hiện kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ trong cọc

TCXDVN_366-2004 - Chỉ dẫn kỹ thuật cho công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng trong vùng Karst

TCXDVN_385-2006 - Phương pháp gia cố đất yếu bằng trụ đất xi măng

TCXDVN_367-2006 - Tiêu chuẩn chống ẩm trong xây dựng

TCXDVN_355-2005 - Tiêu chuẩn thiết kế nhà hát phòng khán giả

TCXDVN_269-2002 - Thí nghiệm cọc bằng phương pháp tải trọng tĩnh ép dọc trực

TCXDVN_2737-1995 - Tiêu chuẩn thiết kế tải động và tác động

TCVN 198-1997 - Nhà cao tầng - Thiết kế kết cấu BTCT toàn khối

TCVN 205-1998 - Móng cọc-Tiêu chuẩn thiết kế

TCVN 289-299-300-2003 - Cách nhiệt các bộ phận công trình

TCVN 2737-1995 - Tải trọng và tác động

TCVN 3993-1985 – Chống ăn mòn trong xây dựng-KCBTCT

TCVN 5573-1991 – Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế

TCVN 5574-1991 - Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế

TCVN 5575-1991 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế

TCVN 7440-2005 - Tiêu chuẩn thái ngành công nghiệp Nhiệt điện

TCXD 40-1987 - Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán

TCXD 189-1996 - Máng có tiết diện nhỏ - Tiêu chuẩn thiết kế

TCXD 245-2000 - Gia cố nền đất yếu bằng bac tham

TCXDVB 333-2005 – Chiều sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng

TCXDVN 33-2006 - Cấp nước-Mạng lưới đường ống và CT-TCTK

TCXDVN 60-2004 - TK trường dạy nghề

TCXDVN 175-2005 - Mức ồn tối đa cho phép trong CT công cộng

TCXDVN 276-2003 - Công trình công cộng - Nguyên tắc thiết kế

TCXDVN 281-2004 - Nhà văn hóa thể thao

TCXDVN 287-2004 - Công trình thể thao - Sân thể thao

TCXDVN 287-2004 - Công trình thể thao-Sân thể thao-Phụ lục

TCXDVN 288-2004 - Công trình thể thao-Bể bơi

TCXDVN 289-2004 - Công trình thể thao-Nha thể thao

TCXDVN 293-2003 - Chống nóng nhà ở-chỉ dẫn thiết kế

TCXDVN 306-2004 - NO và CTCC-Thông số vi khí hậu trong phòng

TCXDVN 320-09-11-2004 - Bài chọn lập chat thái nguy hại-TCTK

TCXDVN 323-09-11-2004 - Nhà cao tầng-TCTK

TCXDVN 323-09-11-2004 - Nhà cao tầng-TCTK - sửa đổi, bổ sung

TCXDVN 327-2004 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chống ăn mòn trong môi trường biển

TCXDVN 338-2005 - Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế-QĐ

TCXDVN 340-ISO102-1 - Thuật ngữ và bản vẽ

TCXDVN 342-ISO834 - Yêu cầu chung

TCXDVN 343-ISO834-3 - Phương pháp thử và áp dụng số liệu thử nghiệm

TCXDVN 344-ISO834-4 - Yêu cầu đối với bộ phận ngăn cách dung

TCXDVN 345-ISO834-5 - Yêu cầu đối với bộ phận ngăn cách

TCXDVN 346-ISO834-6 - Các yêu cầu đối với dầm

TCXDVN 347-ISO834-7 - Các yêu cầu riêng đối với cột

VII. CÁC BẢN VẼ